

**NGHỊ QUYẾT**

**Ban hành Quy định chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ  
trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG  
KHÓA X, NHIỆM KỲ 2021 - 2026, KỲ HỌP THỨ 19**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm  
2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp  
luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của  
Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa  
học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính  
phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản  
quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của  
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều về Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2018 của  
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chuyển  
giao công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính  
phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh  
nghiệp nhỏ và vừa;

Xét Tờ trình số 117/TTr-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban  
nhân dân thành phố về Quy định chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ trên địa  
bàn thành phố Đà Nẵng; Báo cáo thẩm tra số 152/BC-KTNS ngày 17 tháng 7 năm  
2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố và ý kiến thảo  
luận của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định chính sách hỗ trợ đổi  
mới công nghệ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.



## Điều 2. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 8 năm 2024 và thay thế Nghị quyết số 18/2016/NQ-HĐND ngày 11 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng Quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ và Nghị quyết số 194/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 18/2016/NQ-HĐND.

## Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các hồ sơ đề nghị hỗ trợ đã được tiếp nhận trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thì tiếp tục xét duyệt để các đối tượng được hưởng hỗ trợ theo Nghị quyết số 18/2016/NQ-HĐND ngày 11 tháng 8 năm 2016 và Nghị quyết số 194/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng.

## Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố phối hợp giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026 thông qua tại Kỳ họp thứ 19, ngày 30 tháng 7 năm 2024.

### Nơi nhận:

- UBND, Chính phủ, VP Chủ tịch nước;
- Các Bộ: KH&CN, Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ KH&CN;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- Đoàn ĐBQH thành phố;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- UBND, UBMTTQVN thành phố;
- Các Ban của HĐND thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố;
- Văn phòng UBND thành phố;
- Các sở, ngành, đoàn thể thành phố;
- Các quận ủy, huyện ủy; UBND, UBMTTQVN các quận, huyện; HĐND huyện Hòa Vang;
- Đảng ủy, UBND các phường, xã; HĐND các xã;
- Báo Đà Nẵng, Chuyên đề CA TPĐN, Đài PT-TH ĐN, Trung tâm THVN (VTV8), Công TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, CTHĐ.



CHỦ TỊCH

Ngô Xuân Thắng



**QUY ĐỊNH**

**Chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**  
(Kèm theo Nghị quyết số 35 /2024/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2024  
của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng)

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Đối tượng được hỗ trợ

a) Các doanh nghiệp sản xuất, dịch vụ và thương mại trên địa bàn thành phố được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp (không bao gồm các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài), hợp tác xã có hoạt động: Nghiên cứu tạo công nghệ; thực hiện đổi mới, cải tiến công nghệ hoặc xây dựng và áp dụng các hệ thống quản lý phù hợp tiêu chuẩn quốc tế; áp dụng các phương pháp và mô hình tiên tiến để cải tiến chất lượng; chứng nhận sản phẩm, hàng hoá phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn.

b) Các tổ chức trên địa bàn thành phố có hoạt động: Nghiên cứu tạo công nghệ mới, nghiên cứu công nghệ tạo sản phẩm mới, sản phẩm công nghệ cao; giải mã công nghệ, triển khai ứng dụng công nghệ mới, tiên tiến, cải tiến công nghệ thực hiện chuyển giao cho các doanh nghiệp hoặc thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, kết quả giải mã công nghệ hoặc xây dựng và áp dụng các hệ thống quản lý phù hợp tiêu chuẩn quốc tế; áp dụng các phương pháp và mô hình tiên tiến để cải tiến chất lượng; chứng nhận sản phẩm, hàng hoá phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn.

2. Các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc tổ chức, triển khai thi hành Nghị quyết này.

**Điều 3. Loại hình công nghệ được hỗ trợ**

1. Công nghệ cao và sản phẩm công nghệ cao (thuộc danh mục theo Quyết định số 38/2020/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển).

2. Công nghệ nhằm nâng giá trị gia tăng, cải tiến nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa; công nghệ giảm chi phí sản xuất, tăng năng suất lao động; công nghệ thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng.

3. Tiếp nhận công nghệ tiên tiến; các phương pháp gia công mới, tiên tiến; công nghệ thuộc các lĩnh vực ưu tiên phát triển.

4. Nghiên cứu tạo công nghệ mới, thiết kế, chế tạo thiết bị công nghệ mới thay thế thiết bị nhập ngoại, nghiên cứu giải mã công nghệ, ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học công nghệ.

5. Thực hiện xây dựng và áp dụng các hệ thống quản lý phù hợp tiêu chuẩn quốc tế; áp dụng các phương pháp và mô hình tiên tiến để cải tiến chất lượng; chứng nhận sản phẩm, hàng hoá phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn.

6. Các trường hợp đặc biệt (hỗ trợ cho các doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã tiếp nhận công nghệ có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển của lĩnh vực, ngành, phát triển khoa học và công nghệ, phát triển kinh tế - xã hội của thành phố) do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.

#### **Điều 4. Điều kiện được hỗ trợ**

1. Các doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã được hỗ trợ kinh phí thực hiện đổi mới công nghệ phải đảm bảo các điều kiện như sau:

a) Nội dung đề nghị hỗ trợ phù hợp với quy định tại Chương II của Quy định này.

b) Chấp hành đầy đủ các nghĩa vụ về thuế đối với Nhà nước, bảo hiểm xã hội cho người lao động và các quy định về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

c) Thời điểm nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ không quá 36 tháng tính từ ngày bắt đầu triển khai thực hiện dự án đổi mới công nghệ.

2. Các doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã thực hiện chuyển giao công nghệ hoặc nghiên cứu, cải tiến, giải mã, ươm tạo công nghệ ngoài đáp ứng các yêu cầu tại khoản 1 Điều này, phải đảm bảo:

a) Là chủ sở hữu hoặc có quyền chuyển giao đối với công nghệ được chuyển giao trong trường hợp doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã thực hiện chuyển giao công nghệ.

b) Có năng lực thực hiện nghiên cứu, cải tiến, giải mã, ươm tạo công nghệ trong trường hợp doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã thực hiện nghiên cứu, cải tiến, giải mã, ươm tạo công nghệ.

#### **3. Điều kiện ưu tiên**

a) Tham gia sản xuất sản phẩm chủ lực của thành phố; sản xuất hàng xuất khẩu, các mặt hàng thuộc các lĩnh vực được thành phố ưu tiên phát triển.

b) Có trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ.

c) Doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã đạt Giải thưởng Chất lượng Quốc gia Việt Nam.

d) Có hoạt động chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao theo quy định của Chính phủ.

Trường hợp trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ của một doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã nếu có doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã khác nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ đối với công nghệ hoặc thiết bị có sử dụng công nghệ tương tự nhau thì ưu tiên các doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã đáp ứng được nhiều điều kiện hơn quy định tại khoản này.

### **Điều 5. Nguyên tắc hỗ trợ**

1. Việc hỗ trợ đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, bình đẳng, không trùng lặp.

2. Không hỗ trợ đối với các dự án đã và đang thực hiện bằng nguồn vốn của Nhà nước hoặc đã nhận từ nguồn khác của Nhà nước.

3. Không hỗ trợ cho doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã nhận công nghệ được chuyển giao từ các doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã đã được hỗ trợ theo Nghị quyết này hoặc đã nhận hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.

4. Không hỗ trợ cho doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã nhận công nghệ bị cấm hoặc hạn chế chuyển giao theo quy định của Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ hoặc dự án nghiên cứu có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng và sức khỏe con người.

5. Đối với công nghệ hoặc thiết bị có sử dụng công nghệ tương tự nhau chỉ hỗ trợ một lần và cho một doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã.

6. Trường hợp thuộc đối tượng ưu đãi, hỗ trợ của nhiều chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ thì doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã được chọn chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ có mức hỗ trợ cao nhất.

## **CHƯƠNG II NỘI DUNG VÀ MỨC CHI**

### **Điều 6. Hỗ trợ hoạt động nghiên cứu và triển khai, chuyển giao công nghệ**

1. Hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã chi phí mua thiết bị công nghệ phục vụ đổi mới công nghệ

a) Hỗ trợ tối đa 30% chi phí mua thiết bị công nghệ có hàm chứa công nghệ cao. Hỗ trợ tối đa 70% chi phí mua thiết bị công nghệ có hàm chứa công nghệ cao kèm theo hợp đồng chuyển giao công nghệ.

b) Hỗ trợ tối đa 15% chi phí mua thiết bị công nghệ có hàm chứa công nghệ để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, giảm chi phí sản xuất, tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

Hỗ trợ tối đa 50% chi phí mua thiết bị công nghệ có hàm chứa công nghệ để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, giảm chi phí sản xuất, tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường kèm theo hợp đồng chuyển giao công nghệ.

2. Hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã tối đa 70% cho chi phí công nghiên cứu: Tạo công nghệ mới; giải mã công nghệ; ươm tạo công nghệ; thiết kế, chế tạo thiết bị có hàm chứa công nghệ mới, tiên tiến; cải tiến công nghệ; đổi mới quy trình công nghệ sản xuất để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, giảm chi phí, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường, tiết kiệm năng lượng.

3. Kinh phí hỗ trợ cho các dự án quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này không vượt quá 03 (ba) tỷ đồng/doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã trong một năm. Mỗi doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã được hỗ trợ tối đa 02 (hai) dự án.

### **Điều 7. Hỗ trợ hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng**

1. Hỗ trợ xây dựng hệ thống quản lý phù hợp tiêu chuẩn

a) Hỗ trợ 30 (ba mươi) triệu đồng cho doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã xây dựng, đánh giá chứng nhận hệ thống quản lý phù hợp tiêu chuẩn (ISO 9001, ISO 14001, ISO 22000, ISO 45001, ISO 13485, ISO 15189, ISO 27001, ISO 50001, ISO 17025 hoặc các tiêu chuẩn hệ thống quản lý khác).

b) Hỗ trợ 35 (ba mươi lăm) triệu đồng khi doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã áp dụng cùng một lúc từ 02 (hai) tiêu chuẩn, các công cụ quản lý tiên tiến trở lên trong hệ thống quản lý.

c) Mỗi doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã chỉ được hỗ trợ 01 (một) lần cho các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này.

2. Hỗ trợ 15 (mười lăm) triệu đồng/sản phẩm để doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã thực hiện đánh giá chứng nhận sản phẩm, hàng hóa phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn. Hỗ trợ không quá 02 (hai) sản phẩm/năm cho một doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã.

### **Điều 8. Nội dung và mức chi tổ chức Hội đồng khoa học, Hội đồng thẩm định, Tổ thẩm định**

1. Nội dung và mức chi tổ chức Hội đồng khoa học, Hội đồng thẩm định, Tổ thẩm định

TT	Nội dung chi	Mức chi (tối đa)
1	Hội đồng khoa học	

a	Chi họp Hội đồng	
-	Chủ tịch Hội đồng	1.800.000 đồng/người
-	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên hội đồng	1.500.000 đồng/người
-	Thư ký khoa học; thư ký hành chính	300.000 đồng/người
-	Đại biểu được mời tham dự	200.000 đồng/người
b	Chi nhận xét đánh giá	
-	Nhận xét của thành viên Hội đồng	700.000 đồng/phiếu
2	Hội đồng thẩm định	
a	Chi họp Hội đồng	
-	Chủ tịch Hội đồng	900.000 đồng/người
-	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên hội đồng	750.000 đồng/người
-	Thư ký khoa học; thư ký hành chính	150.000 đồng/người
-	Đại biểu được mời tham dự	100.000 đồng/người
b	Chi nhận xét đánh giá	
-	Nhận xét của thành viên Hội đồng	350.000 đồng/phiếu
3	Tổ thẩm định	
a	Tổ trưởng Tổ thẩm định	1.000.000 đồng/người
b	Thành viên Tổ thẩm định	700.000 đồng/người
c	Thư ký hành chính	300.000 đồng/người
d	Đại biểu được mời tham dự	200.000 đồng/người
4	Chi tiền tài liệu, văn phòng phẩm phục vụ Hội đồng khoa học, Hội đồng thẩm định, Tổ thẩm định	Thanh toán theo hóa đơn thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt.

2. Mức chi tại khoản 1 Điều này là mức chi tối đa. Trên cơ sở hồ sơ đề nghị hỗ trợ và khối lượng công việc cụ thể của từng Hội đồng, Tổ thẩm định, Giám

độc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định mức chi cụ thể đối với từng Hội đồng, Tổ thẩm định.

### **CHƯƠNG III THẨM QUYỀN, THỦ TỤC VÀ TRÌNH TỰ XÉT HỖ TRỢ**

#### **Điều 9. Thẩm quyền quyết định hỗ trợ**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định hỗ trợ hoạt động nghiên cứu và triển khai, chuyển giao công nghệ theo Điều 6 Quy định này.
2. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định hỗ trợ hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng theo Điều 7 Quy định này.

#### **Điều 10. Trình tự, thủ tục xét hỗ trợ hoạt động nghiên cứu và triển khai, chuyển giao công nghệ**

##### 1. Trình tự thực hiện

a) Doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã gửi hồ sơ đề nghị hỗ trợ đến Sở Khoa học và Công nghệ.

b) Sở Khoa học và Công nghệ tiếp nhận, xem xét hồ sơ trong 03 (ba) ngày làm việc. Nếu hồ sơ chưa hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ trả hồ sơ để doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã hoàn thiện hồ sơ.

c) Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Tổ thẩm định hồ sơ

Hồ sơ đủ và hợp lệ, trong 10 (mười) ngày làm việc, Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Tổ thẩm định để tiến hành thẩm định hồ sơ và tiến hành kiểm tra thực tế tại đơn vị.

Trên cơ sở kết quả làm việc của Tổ thẩm định, trong 07 (bảy) ngày làm việc, Sở Khoa học và Công nghệ đề nghị tổ chức, cá nhân bổ sung, làm rõ thêm nội dung dự án và các hồ sơ liên quan. Thời gian bổ sung hoàn thiện hồ sơ tối đa không quá 10 (mười) ngày làm việc.

d) Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức Hội đồng khoa học đánh giá hồ sơ đề nghị hỗ trợ

Trong 10 (mười) ngày làm việc, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức Hội đồng khoa học đánh giá hồ sơ đề nghị hỗ trợ.

Trường hợp hồ sơ không đáp ứng điều kiện quy định hỗ trợ, Sở Khoa học và Công nghệ có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

Trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, Sở Khoa học và Công nghệ có văn bản đề nghị doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã hoàn thiện, bổ sung hồ sơ. Thời gian hoàn thiện, bổ sung hồ sơ không quá 10 (mười) ngày làm việc; hết thời hạn hoàn thiện, bổ sung hồ sơ, nếu doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã không thực hiện hoàn thiện, bổ sung hồ sơ thì Sở Khoa học và Công nghệ có văn bản từ chối hỗ trợ và nêu rõ lý do.

đ) Sở Khoa học và Công nghệ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt hỗ trợ

Trong 15 (mười lăm) ngày làm việc, Sở Khoa học và Công nghệ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt hồ sơ đề nghị hỗ trợ.

e) Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt hỗ trợ kinh phí

Trong 15 (mười lăm) ngày làm việc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, phê duyệt hồ sơ đề nghị hỗ trợ.

2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3. Thành phần hồ sơ gồm có:

a) Đơn đề nghị hỗ trợ (theo Mẫu đơn tại Phụ lục I).

b) Bản sao chứng thực Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Quyết định thành lập tổ chức, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

c) Dự án đổi mới, cải tiến công nghệ kèm theo nội dung báo cáo kết quả triển khai đổi mới công nghệ (theo Mẫu dự án tại Phụ lục II).

d) Bản sao chứng thực các giấy tờ: Hợp đồng mua thiết bị công nghệ kèm theo; hóa đơn chứng từ có liên quan; chứng thư thẩm định giá thiết bị công nghệ của đơn vị có chức năng thẩm định giá theo quy định hiện hành đối với trường hợp mua thiết bị công nghệ; hợp đồng chuyển giao công nghệ (trường hợp có hợp đồng chuyển giao công nghệ) quy định tại khoản 1 Điều 6 Quy định này.

đ) Hồ sơ chứng minh chi phí thực hiện nghiên cứu tạo công nghệ; giải mã công nghệ; ươm tạo công nghệ; thiết kế, chế tạo thiết bị có hàm chứa công nghệ mới, tiên tiến; cải tiến công nghệ; đổi mới quy trình công nghệ sản xuất để nâng cao năng suất, chất lượng, giảm chi phí, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường, tiết kiệm năng lượng.

e) Xác nhận nợ thuế của năm trước liền kề, xác nhận việc đóng bảo hiểm xã hội đối với người lao động của năm trước liền kề, xác nhận việc chấp hành các quy định về bảo vệ môi trường của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

g) Bản sao chứng thực các giấy tờ khác (nếu có): Biên bản nghiệm thu, lắp đặt thiết bị; các hồ sơ có liên quan đến chất lượng sản phẩm; văn bản công nhận kết quả nghiên cứu của cơ quan có thẩm quyền và các hồ sơ khác có liên quan đến các điều kiện được ưu tiên.

4. Cách thức thực hiện:

a) Nộp hồ sơ

Doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã nộp hồ sơ về Sở Khoa học và Công nghệ theo một trong các hình thức sau:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và Trả kết quả của Sở Khoa học và Công nghệ.

- Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính, dịch vụ bưu chính công ích.
- Nộp hồ sơ trực tuyến.

b) Trả kết quả

Trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và Trả kết quả của Sở Khoa học và Công nghệ.

5. Thời hạn giải quyết: 60 (sáu mươi) ngày làm việc.

6. Cơ quan giải quyết:

a) Cơ quan thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ.

b) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố

7. Kết quả thực hiện: Quyết định phê duyệt hỗ trợ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

**Điều 11. Trình tự, thủ tục xét hỗ trợ hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng**

1. Trình tự thực hiện

a) Doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã gửi hồ sơ đề nghị hỗ trợ đến Sở Khoa học và Công nghệ.

b) Sở Khoa học và Công nghệ tiếp nhận, xem xét hồ sơ trong 03 (ba) ngày làm việc. Nếu hồ sơ chưa hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ trả hồ sơ để doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã hoàn thiện hồ sơ.

c) Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức Hội đồng thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ.

Hồ sơ đủ và hợp lệ, trong 20 (hai mươi) ngày làm việc, Sở Khoa học và Công nghệ thành lập và tổ chức Hội đồng thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ.

Trường hợp hồ sơ không đáp ứng điều kiện quy định hỗ trợ, Sở Khoa học và Công nghệ có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

Trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, Sở Khoa học và Công nghệ có văn bản đề nghị doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã hoàn thiện, bổ sung hồ sơ. Thời gian hoàn thiện, bổ sung hồ sơ không quá 10 (mười) ngày làm việc; hết thời hạn hoàn thiện, bổ sung hồ sơ, nếu doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã không thực hiện hoàn thiện, bổ sung hồ sơ thì Sở Khoa học và Công nghệ có văn bản từ chối hỗ trợ và nêu rõ lý do.

d) Trong 07 (bảy) ngày làm việc, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, ban hành quyết định hỗ trợ kinh phí.

2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3. Thành phần hồ sơ gồm có:

a) Đơn đề nghị (theo Mẫu tại Phụ lục I).

b) Bản sao chứng thực Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Quyết định thành lập tổ chức, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

c) Bản sao chứng thực Quyết định và Giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng; bản sao chứng thực Quyết định và Giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn/quy chuẩn.

d) Xác nhận nợ thuế của năm trước liền kề, xác nhận việc đóng bảo hiểm xã hội đối với người lao động của năm trước liền kề, xác nhận việc chấp hành các quy định về bảo vệ môi trường của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Cách thức thực hiện:

a) Nộp hồ sơ

Doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã nộp hồ sơ về Sở Khoa học và Công nghệ theo một trong các hình thức sau:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và Trả kết quả của Sở Khoa học và Công nghệ.

- Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính, dịch vụ bưu chính công ích.

- Nộp hồ sơ trực tuyến.

b) Trả kết quả

Trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và Trả kết quả của Sở Khoa học và Công nghệ.

5. Thời hạn giải quyết: 30 (ba mươi) ngày làm việc.

6. Cơ quan giải quyết: Sở Khoa học và Công nghệ.

7. Kết quả thực hiện: Quyết định phê duyệt hỗ trợ của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.

## CHƯƠNG IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### **Điều 12. Kinh phí thực hiện chính sách**

1. Nguồn kinh phí

Nguồn kinh phí chi sự nghiệp khoa học và công nghệ được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm cho Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Nguyên tắc sử dụng kinh phí

a) Kinh phí thực hiện chính sách được bảo đảm chi cho các hoạt động hỗ trợ đổi mới công nghệ và chi cho công tác tổ chức thẩm định, đánh giá hồ sơ đề nghị hỗ trợ, phù hợp với chủ trương, chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ của thành phố.

b) Các doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã sử dụng kinh phí hỗ trợ đổi mới công nghệ phải đúng mục đích, đúng chế độ, chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan chức năng có thẩm quyền; thực hiện quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định hiện hành.

### **Điều 13. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân thành phố có trách nhiệm:

a) Cân đối bố trí ngân sách hàng năm để thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

b) Ban hành quy định việc thành lập và quy chế hoạt động của Tổ thẩm định, Hội đồng khoa học, Hội đồng thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ.

c) Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì triển khai chính sách, tiếp nhận và xử lý hồ sơ theo nội dung Nghị quyết.

2. Trong trường hợp có sự thay đổi, điều chỉnh về trình tự, thủ tục thực hiện các nội dung chính sách, Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố để xem xét, điều chỉnh cho phù hợp./.

namct-12/08/2024 08:25:07-namct-namct-namct



Phụ lục I

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

(Ban hành kèm theo Quy định chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng kèm theo Nghị quyết số 35 /2024/NQ-HĐND ngày tháng năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng

- Tên doanh nghiệp/tổ chức/hợp tác xã đề nghị hỗ trợ:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Fax:
- E-mail:
- Người đại diện theo pháp luật:
  - Họ và tên:
  - Chức vụ:

7. Đề nghị xem xét hỗ trợ cho dự án: <Tên dự án>

TT	Lĩnh vực hỗ trợ	Nội dung hỗ trợ cụ thể/ Mức đề nghị hỗ trợ
1		
2		
.....		

8. Các tài liệu kèm theo:

- (1)
- (2)

...

Chúng tôi cam đoan các hồ sơ gửi đến Sở Khoa học và Công nghệ là đúng sự thật.  
Kính đề nghị quý Sở quan tâm xem xét.

....., ngày .... tháng ... năm ...

NGƯỜI ĐẠI DIỆN  
DOANH NGHIỆP/ TỔ CHỨC/ HỢP TÁC XÃ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

## Phụ lục II

### MẪU DỰ ÁN ĐỔI MỚI, CẢI TIẾN CÔNG NGHỆ

(Ban hành kèm theo Quy định chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng kèm theo Nghị quyết số 35 /2024/NQ-HĐND ngày tháng năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng)

**A. ĐỐI VỚI DỰ ÁN NGHIÊN CỨU: TẠO CÔNG NGHỆ MỚI; GIẢI MÃ CÔNG NGHỆ; ƯƠM TẠO CÔNG NGHỆ; THIẾT KẾ CHẾ TẠO THIẾT BỊ CÓ HÀM CHỨA CÔNG NGHỆ MỚI, TIÊN TIẾN; CẢI TIẾN CÔNG NGHỆ; ĐỔI MỚI QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT ĐỂ NÂNG CAO NĂNG SUẤT, CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, GIẢM CHI PHÍ, GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG XẤU ĐẾN MÔI TRƯỜNG, TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG**

#### Phần đầu

- Trang bìa (Tên tổ chức, tên dự án, tên Chủ nhiệm dự án, Thời gian thực hiện, Địa danh, tháng năm)
- Mục lục
- Danh mục bảng, biểu, hình
- Danh mục từ viết tắt, ký hiệu, thuật ngữ... dùng trong báo cáo

#### Phần chính

### I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1.1. Tên dự án: .....

1.2. Thời gian thực hiện:.....tháng (từ tháng....năm 20.....đến tháng...năm 20....)

1.3. Lĩnh vực khoa học của dự án (Tự nhiên; Nông, lâm, ngư nghiệp; Kỹ thuật và công nghệ; Y dược...)

1.4. Thông tin về đơn vị chủ trì thực hiện dự án:

Tên đầy đủ:.....

Địa chỉ: .....

Điện thoại:..... Email:.....

Website: .....

Số tài khoản: .....

Kho bạc nhà nước/Ngân hàng: .....

Đại diện pháp lý: .....Chức vụ: .....

Báo cáo sơ bộ về tình hình hoạt động của đơn vị:.....

1.5. Thông tin về cá nhân chủ nhiệm dự án:

Họ và tên: .....

Ngày, tháng, năm sinh: ..... Giới tính: Nam / Nữ

Đơn vị công tác: .....

Chức vụ: .....

Học hàm, Học vị/Trình độ chuyên môn:.....

Điện thoại:..... Email: .....

Địa chỉ đơn vị công tác:.....

Địa chỉ nhà riêng: .....

### 1.6. Các thành viên tham gia thực hiện dự án

(Ghi những người có đóng góp khoa học và chủ trì thực hiện những nội dung chính thuộc tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp tham gia thực hiện dự án)

TT	Họ và tên, học hàm học vị	Tổ chức công tác	Nội dung, công việc chính tham gia	Thời gian làm việc cho dự án (Số tháng quy đổi <sup>1</sup> )	Chữ ký
1					
2					
3					

### 1.7. Kinh phí thực hiện:

Tổng kinh phí thực hiện dự án:.....triệu đồng

Nguồn kinh phí:

- Từ vốn của đơn vị:.....triệu đồng

- Từ nguồn khác (ghi rõ nguồn):.....triệu đồng

## II. TỔNG QUAN DỰ ÁN

### 2.1. Căn cứ xây dựng dự án

*Căn cứ pháp lý:* Chủ trương, chính sách, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương,...

*Căn cứ thực tiễn và tính cấp thiết:* Nhu cầu của doanh nghiệp, ngành, địa phương; vấn đề và nhiệm vụ đặt ra cần giải quyết và tính cấp thiết cần xây dựng và triển khai dự án

### 2.2. Mục tiêu của dự án: Mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của dự án

### 2.3. Tình trạng dự án

- Mới       Kế tiếp hướng nghiên cứu của chính nhóm tác giả  
 Kế tiếp nghiên cứu của người khác

### 2.4. Tổng quan về tình hình nghiên cứu/ thực hiện nội dung tương tự của dự án:

*Ngoài nước:* Phân tích đánh giá được những công trình nghiên cứu có liên quan

<sup>1</sup> Một (01) tháng quy đổi là tháng làm việc gồm 22 ngày, mỗi ngày làm việc gồm 8 tiếng

và những kết quả nghiên cứu mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu của dự án; nêu được những bước tiến về trình độ KH&CN của những kết quả nghiên cứu đó.

**Trong nước:** Phân tích, đánh giá tình hình nghiên cứu trong nước thuộc lĩnh vực nghiên cứu của dự án, đặc biệt phải nêu cụ thể được những kết quả KH&CN liên quan đến dự án mà các cán bộ tham gia dự án đã thực hiện. Nếu có các đề tài, dự án cùng bản chất đã và đang được thực hiện ở cấp khác, nơi khác thì phải giải trình rõ các nội dung kỹ thuật liên quan đến dự án này.

### III. NỘI DUNG DỰ ÁN

Cần mô tả chi tiết các nội dung và các hạng mục công việc cụ thể đã thực hiện để đạt được mục tiêu của dự án và làm nổi bật được các nội dung:

#### 3.1. Đánh giá kết quả triển khai đổi mới công nghệ

#### 3.2. Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng để giải mã/ươm tạo/thiết kế chế tạo áp dụng trong quá trình thực hiện dự án

(Luận cứ rõ cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu, thiết kế nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sẽ sử dụng gắn với từng nội dung chính của dự án; so sánh với các phương pháp giải quyết tương tự khác và phân tích để làm rõ được tính mới, tính độc đáo, tính sáng tạo của dự án)

*Cách tiếp cận:*.....

*Phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng:*.....

*Tính mới, tính độc đáo, tính sáng tạo:* .....

**3.3. Đánh giá công nghệ:** Có thuộc danh mục công nghệ cao, danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao; trình độ công nghệ; công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ sạch. Làm rõ ưu/nhược điểm của công nghệ/thiết bị công nghệ so với các sản phẩm cùng loại.

**3.4. Quy trình thực hiện nghiên cứu công nghệ/giải mã công nghệ/ươm tạo công nghệ/thiết kế chế tạo thiết bị công nghệ.**

**3.5. Đặc tính kỹ thuật của công nghệ/thiết bị công nghệ**

**3.6. Hướng dẫn vận hành/sử dụng công nghệ/thiết bị công nghệ**

**3.7. Kết quả nghiên cứu và thảo luận**

+ Trình bày các nội dung nghiên cứu đã được thực hiện, những hạng mục chủ yếu đã được tiến hành.

+ Trình bày đầy đủ quá trình hoàn thiện công nghệ hoặc thích nghi/làm chủ/hợp lý hoá công nghệ và (hoặc) thử nghiệm đã tiến hành (nếu có).

+ Trình bày các kết quả nghiên cứu.

+ Phân tích, đánh giá kết quả thu được (về tính chính xác, độ tin cậy, ý nghĩa các kết quả), so sánh, biện luận trên cơ sở các dẫn liệu khoa học, đối chiếu với các nghiên cứu khác đã có để chứng minh luận cứ và khả năng áp dụng. Đưa ra được kết luận theo từng nội dung.

+ Tổng quát hóa và đánh giá đầy đủ, toàn diện kết quả thu được của nhiệm vụ.



+ Luận giải rõ những hạng mục/nội dung do chủ dự án tự nghiên cứu/thực hiện; hạng mục/nội dung kế thừa các nghiên cứu/thực hiện đã có hoặc thuê chuyên gia tư vấn/đơn vị khác thực hiện ...

#### IV. SẢN PHẨM, KẾT QUẢ CỦA DỰ ÁN

4.1. Sản phẩm của dự án đạt được

4.2. Tính khả thi của dự án, khả năng ứng dụng, triển khai sản phẩm, kết quả dự án vào thực tế

4.3. Tình hình thương mại hoá sản phẩm

4.3. Đối tượng có khả năng tham gia, thụ hưởng, ứng dụng sản phẩm/kết quả của dự án.

#### V. HIỆU QUẢ KINH TẾ - XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

5.1. Hiệu quả kinh tế của dự án mang lại cho chủ dự án, các đối tượng kinh tế - xã hội khác, nguồn thu ngân sách...

5.2. Hiệu quả về bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng của dự án

5.3. Hiệu quả về xã hội

#### VI. KHẢ NĂNG KHẮC PHỤC CÁC NHƯỢC ĐIỂM/TỒN TẠI, HƯỚNG PHÁT TRIỂN DỰ ÁN

6.1 Tóm tắt các nhược điểm/tồn tại của sản phẩm từ kết quả nghiên cứu qua quá trình triển khai áp dụng thực tế.

6.2. Phương án khắc phục các nhược điểm/tồn tại của sản phẩm từ kết quả nghiên cứu trong thời gian tới.

6.3. Phương hướng phát triển dự án

#### VII. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN DỰ ÁN

STT	Công việc thực hiện các nội dung dự án	Mục tiêu/kết quả/sản phẩm	Thời gian (bắt đầu và kết thúc)
1	<i>Nội dung 1</i>		
	- Công việc 1		
	- Công việc 2		
2	<i>Nội dung 2</i>		
	- Công việc 1		
	- Công việc 2		

## VIII. KINH PHÍ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Đơn vị: triệu đồng

STT	Hạng mục	Tổng số kinh phí	Trong đó:				
			Chi phí nghiên cứu/giải mã/ươm tạo/thiết kế chế tạo			Máy móc, thiết bị	Nguyên vật liệu, năng lượng
			Chi phí lao động trực tiếp	Thuê khoán chuyên môn	Chi quản lý dự án và chi khác		

**Trong đó:****Khoản 1.** Công lao động trực tiếp

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung công việc	Chức danh nghiên cứu	Hệ số lao động khoa học	Số người trong nhóm chức danh	Định mức thù lao tháng của Chủ nhiệm	Tổng số tháng quy đổi của chức danh/nhóm chức danh	Tổng thù lao thực hiện nhiệm vụ	Nguồn vốn			Ghi chú
								Ngân sách	Tự có	Khác	

**Khoản 2.** Chi tiết khoản nguyên vật liệu, năng lượng

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung chi	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Chứng từ chứng minh
<b>Tổng:</b>						

**Khoản 3.** Chi tiết khoản máy móc, thiết bị

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung chi	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Chứng từ chứng minh
<b>Tổng:</b>						

**Khoản 4. Chi khác***Đơn vị: triệu đồng*

STT	Nội dung chi	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Chứng từ chứng minh
<b>Tổng:</b>						

**IX. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ:****9.1. Kết luận****9.2. Kiến nghị****Phần cuối****Tài liệu tham khảo**

**Các phụ lục liên quan** (Hoá đơn chứng từ mua sắm thiết bị, nguyên vật liệu; Hợp đồng mua bán công nghệ, sản phẩm là kết quả của dự án; các bảng biểu; kết quả phân tích, kiểm nghiệm; các bảng điều tra, bảng tính số liệu, mẫu biểu, hình chụp, sơ đồ, quy trình công nghệ, bản vẽ... cần minh họa hoặc hỗ trợ cho báo cáo)

namct-12/08/2024 08:25:07-namct-namct

## B. ĐỐI VỚI DỰ ÁN MUA THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ PHỤC VỤ ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ

### Phần đầu

- Trang bìa (Tên tổ chức, tên dự án, Thời gian thực hiện, Địa danh, tháng năm)
- Mục lục
- Danh mục bảng, biểu, hình
- Danh mục từ viết tắt, ký hiệu, thuật ngữ... dùng trong báo cáo

### Phần chính

#### I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

**1.1. Tên dự án:** .....

**1.2. Loại hình:** Mua thiết bị công nghệ/ Mua thiết bị công nghệ có kèm theo Hợp đồng chuyển giao công nghệ.

**1.3. Thời gian thực hiện:**.....tháng (từ tháng....năm 20....đến tháng...năm 20....)

**1.4. Thông tin về đơn vị chủ trì thực hiện dự án:**

Tên đầy đủ:.....

Địa chỉ: .....

Điện thoại:..... Email:.....

Website: .....

Số tài khoản: .....

Kho bạc nhà nước/Ngân hàng: .....

Đại diện pháp lý: .....Chức vụ: .....

Số tài khoản: .....

#### II. TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA ĐƠN VỊ

**2.1. Lịch sử hình thành**

**2.2. Số lượng cán bộ công nhân viên**

**2.3. Các sản phẩm chính và quy mô sản xuất**

**2.4. Tình hình hoạt động, sản xuất, kinh doanh, thị trường cung cấp nguyên vật liệu, thị trường xuất khẩu...**

**2.5. Tình hình chấp hành các quy định của pháp luật về hoạt động sản xuất kinh doanh, nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội, các vấn đề về bảo vệ môi trường,...**

**2.6. Danh hiệu thi đua, khen thưởng**

**2.7. Chính sách đối với người lao động**

Chế độ BHXH, BHYT, BHTN, tiền lương, tiền thưởng, phúc lợi...

### III. NỘI DUNG DỰ ÁN

#### 3.1. Căn cứ xây dựng dự án

*Căn cứ pháp lý:* Chủ trương, chính sách, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương,...

*Căn cứ thực tiễn và tính cấp thiết:* Nhu cầu của doanh nghiệp, ngành, địa phương; vấn đề và nhiệm vụ đặt ra cần giải quyết và tính cấp thiết cần xây dựng và triển khai dự án.

#### 3.2. Sự cần thiết đầu tư thiết bị công nghệ mới

Mô tả tình hình ứng dụng/sử dụng các thiết bị công nghệ ở trong và ngoài nước cùng lĩnh vực của dự án.

Mô tả sự cần thiết đầu tư thiết bị công nghệ mới của dự án.

#### 3.3. Mục tiêu của dự án: Mục tiêu chung, cụ thể của dự án

#### 3.4. Tình hình sử dụng thiết bị công nghệ của đơn vị trước khi đổi mới thiết bị công nghệ mới

**3.5. Nội dung của dự án:** Mô tả chi tiết các nội dung và các hạng mục công việc cụ thể phải thực hiện để đạt được mục tiêu của dự án và làm nổi bật được các nội dung thể hiện thiết bị công nghệ có hàm chứa công nghệ để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, giảm chi phí sản xuất, tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường; thiết bị công nghệ có hàm chứa công nghệ cao.

- Mô tả hệ thống và các bộ phận chính của máy móc, thiết bị.
- Đặc tính và thông số kỹ thuật của thiết bị công nghệ.
- Thuyết minh quy trình công nghệ.
- Hướng dẫn vận hành/sử dụng thiết bị công nghệ.
- Làm rõ tính mới, ưu/nhược điểm của thiết bị công nghệ, so sánh với các sản phẩm cùng loại.
- Tính phù hợp của thiết bị công nghệ với hoạt động của đơn vị, phù hợp các quy định của pháp luật hiện hành.
- Phân tích minh chứng sự thay đổi về tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, giảm chi phí sản xuất, tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường sau khi đầu tư dự án.

#### 3.6. Quy trình vận hành, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp

#### 3.7. Hiệu quả đầu tư của dự án

- So sánh chi phí đầu tư, thông số kỹ thuật, năng suất, chất lượng với các loại thiết bị tương tự.
- Phân tích, đánh giá hiệu quả kinh tế của dự án mang lại cho: chủ dự án, các đối tượng kinh tế - xã hội khác, nguồn thu ngân sách,..... (có số liệu minh chứng)
- Hiệu quả về bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng của dự án,...

- Hiệu quả về xã hội: tạo công ăn việc làm, an sinh xã hội,...

### 3.8. Tiến độ thực hiện dự án

STT	Công việc thực hiện các nội dung dự án	Mục tiêu/kết quả/sản phẩm	Thời gian (bắt đầu và kết thúc)

### 3.9. Kinh phí thực hiện dự án

- Tổng mức kinh phí thực hiện Dự án.

- Nguồn kinh phí thực hiện:

+ Nguồn tự chủ:.....

+ Nguồn khác:.....

### 3.10. Kết luận và Kiến nghị:

- Kết luận

- Kiến nghị

**Phần cuối**

### Tài liệu tham khảo

**Các phụ lục liên quan** (Hoá đơn chứng từ mua sắm thiết bị, nguyên vật liệu; Hợp đồng mua bán thiết bị, công nghệ; các bảng biểu; kết quả phân tích, kiểm nghiệm; các bảng điều tra, bảng tính số liệu, mẫu biểu, hình chụp, sơ đồ, quy trình công nghệ, bản vẽ... cần minh họa hoặc hỗ trợ cho báo cáo).